

Số: 244 /TB-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2016

THÔNG BÁO

Tuyển sinh các chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Việt Nhật năm 2016

Năm 2016, Trường Đại học Việt Nhật - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) tổ chức tuyển sinh cho 6 chương trình đào tạo thạc sĩ với các thông tin các chi tiết như sau:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Chương trình đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Chính sách công	20
2	Công nghệ Nano	20
3	Khu vực học	20
4	Kỹ thuật hạ tầng	20
5	Kỹ thuật môi trường	20
6	Quản trị kinh doanh	20

2. Hình thức, địa điểm và thời gian đào tạo

2.1. Hình thức đào tạo: Chính quy

2.2. Địa điểm đào tạo: Cơ sở Mỹ Đình của Trường Đại học Việt Nhật

2.3. Thời gian đào tạo: 2 năm (bao gồm 3 tháng thực tập)

3. Yêu cầu dự tuyển

3.1. Yêu cầu về văn bằng

- Tốt nghiệp đại học loại khá trở lên (điểm trung bình chung tích lũy GPA \geq 2,5/4,0) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi; hoặc tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi và đã học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học tương ứng với chuyên ngành dự thi (Phụ lục 1).

- Thí sinh dự kiến nhận bằng tốt nghiệp đại học trước ngày 05/09/2016 đáp ứng các yêu cầu nêu trên có thể dự tuyển với điều kiện sẽ nộp bổ sung đầy đủ hồ sơ trước thời điểm nhập học chính thức.

3.2. Yêu cầu về ngôn ngữ

** Yêu cầu về tiếng Anh đối với thí sinh của tất cả các chương trình đào tạo*

Thí sinh cần có năng lực tiếng Anh đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo đăng ký dự tuyển (đáp ứng một trong các yêu cầu sau):

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Chứng chỉ có giá trị trong thời gian 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự tuyển thạc sĩ và được cấp bởi cơ sở được ĐHQGHN công nhận (Phụ lục 2);

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ từ các chương trình đào tạo toàn thời gian bằng tiếng Anh ở các quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam; chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo chất lượng cao của ĐHQGHN;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ tiếng Anh.

** Yêu cầu về tiếng Nhật đối với thí sinh của chương trình đào tạo Khu vực học (định hướng Nhật Bản học)*

Thí sinh cần có năng lực ngoại ngữ tiếng Nhật theo một trong các yêu cầu sau:

- Có chứng chỉ trình độ tiếng Nhật tối thiểu đạt JLPT N2. Chứng chỉ có giá trị trong thời gian 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự tuyển thạc sĩ và được cấp bởi cơ sở đào tạo được ĐHQGHN công nhận (Phụ lục 3);

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ từ các chương trình đào tạo toàn thời gian bằng tiếng Nhật;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ tiếng Nhật.

✓

** Yêu cầu về tiếng Việt đối với thí sinh là người nước ngoài của chương trình đào tạo Khu vực học (định hướng Việt Nam học)*

Thực hiện theo quyết định 4299/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/10/2015 của Giám đốc ĐHQGHN về việc xét tuyển người nước ngoài vào học tại ĐHQGHN. Thí sinh cần có năng lực tiếng Việt đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo đăng ký dự tuyển theo một trong các yêu cầu sau:

- Có chứng chỉ trình độ tiếng Việt tương đương bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN hoặc các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cấp;

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các chương trình đào tạo toàn thời gian bằng tiếng Việt;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ tiếng Việt;

- Có chứng nhận hoàn thành khóa học dự bị tiếng Việt do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN hoặc các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo dự bị tiếng Việt tổ chức.

3.3. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác

- Chương trình thạc sĩ Chính sách công: Không yêu cầu kinh nghiệm công tác đối với thí sinh có $GPA \geq 2,8/4,0$. Yêu cầu 2 năm kinh nghiệm công tác đối với thí sinh có $GPA < 2,8/4,0$.

- Chương trình thạc sĩ Công nghệ Nano: Không yêu cầu kinh nghiệm công tác của thí sinh.

- Chương trình thạc sĩ Khu vực học: Không yêu cầu kinh nghiệm công tác của thí sinh.

- Chương trình thạc sĩ Kỹ thuật hạ tầng: Không yêu cầu kinh nghiệm công tác đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên ($GPA \geq 2,5/4,0$). Yêu cầu 2 năm kinh nghiệm công tác đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp dưới loại khá ($GPA < 2,5/4,0$).

- Chương trình thạc sĩ Kỹ thuật môi trường: Không yêu cầu kinh nghiệm công tác đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên ($GPA \geq 2,5/4,0$). Yêu cầu ít nhất 1 năm kinh nghiệm công tác đối với thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp dưới loại khá ($GPA < 2,5/4,0$). Yêu cầu ít nhất 2 năm kinh nghiệm công tác đối với thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần dưới loại khá ($GPA < 2,5/4,0$).

- Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh: Không yêu cầu kinh nghiệm công tác đối với thí sinh tốt nghiệp đại học với $GPA \geq 2,8/4,0$. Yêu cầu ít nhất 2 năm kinh nghiệm công tác đối với thí sinh tốt nghiệp đại học với $2,5 \leq GPA < 2,8$.

3.4. Các yêu cầu khác

- Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc thi hành án hình sự;

- Có đủ sức khoẻ để học tập;

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời gian quy định.

4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Hồ sơ đăng ký dự tuyển do Trường Đại học Việt Nhật phát hành từ ngày 20/01/2016 đến hết ngày 18/03/2016 trong giờ hành chính tại Văn phòng tuyển sinh của Trường. Thí sinh có thể tải hồ sơ đăng ký dự tuyển từ website của Trường Đại học Việt Nhật tại www.vju.vnu.edu.vn.

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 20/01/2016 đến hết ngày 18/03/2016 trong giờ hành chính.

- Địa điểm nhận hồ sơ và thông tin liên hệ:

Văn phòng Tuyển sinh, Ban Quản lí Trường Đại học Việt Nhật

Tầng 10, Tòa nhà điều hành -ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84-4) 37 45 01 78

Fax: (+84) 966 954 736

Email: admission.vju@vnu.edu.vn

4.1. Hồ sơ dự tuyển đối với thí sinh Việt Nam

4.1.1. Các giấy tờ bắt buộc

1. Đơn đăng ký dự tuyển thạc sĩ đã được thí sinh điền đầy đủ thông tin, dán ảnh màu cỡ 4cm x 6cm và ký tên (theo mẫu của Trường);

Chú ý: Thí sinh đăng ký dự tuyển chương trình thạc sĩ Kỹ thuật hạ tầng được yêu cầu chọn 1 trong 5 lĩnh vực mà thí sinh muốn nghiên cứu sâu tại Mục 6 của Đơn đăng ký dự tuyển thạc sĩ.

2. Sơ yếu lí lịch bằng tiếng Việt (có dán ảnh cỡ 4cm x 6cm được đóng dấu giáp lai, có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi đang

cư trú đối với thí sinh tự do) kèm theo bản dịch tiếng Anh (không cần chứng thực);

3. Bản sao có xác nhận hoặc chứng thực bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học kèm theo bản dịch tiếng Anh (*không cần chứng thực*);

4. Bản sao có xác nhận hoặc chứng thực bằng điểm đại học kèm theo bản dịch tiếng Anh (*không cần chứng thực*);

5. Bản sao có xác nhận hoặc chứng thực chứng chỉ ngoại ngữ trong thời hạn có hiệu lực, kèm theo bản dịch tiếng Anh (*không cần chứng thực*) nếu chứng chỉ được viết bằng ngôn ngữ không phải là tiếng Anh. Thí sinh có thể nộp tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc thời điểm nhập học;

6. Giấy khám sức khỏe (*do cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận thí sinh đủ sức khỏe để học tập, được cấp không quá 6 tháng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ*);

7. Biên lai nộp lệ phí tuyển sinh;

8. 3 ảnh màu cỡ 4cm x 6cm để trong 1 phong bì (*ảnh được chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ, ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh, chương trình thạc sĩ đăng ký dự tuyển ghi ở mặt sau của mỗi ảnh*);

9. 2 phong bì có dán tem (*ghi rõ họ tên, địa chỉ nhận thư của thí sinh*);

10. Danh mục hồ sơ tuyển sinh;

11. Bài luận về dự định nghiên cứu tại Trường Đại học Việt Nhật (*yêu cầu bắt buộc đối với thí sinh của các chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Kỹ thuật môi trường*);

12. Giấy xác nhận hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức/tiếng Anh (*thí sinh sẽ được thông báo nếu thuộc nhóm đối tượng này khi nộp Hồ sơ dự tuyển*). Thí sinh có thể nộp tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc thời điểm nhập học;

13. Giấy xác nhận kinh nghiệm công tác (*đối với các trường hợp thí sinh cần có kinh nghiệm công tác được nêu rõ trong mục 3.3*).

4.1.2. Các giấy tờ không bắt buộc

1. Thư giới thiệu (*theo mẫu của Trường*);

2. Bản sao có xác nhận hoặc chứng thực các tài liệu, chứng chỉ về chuyên môn, thành tích nghiên cứu (*nếu có*). VAT

4.2. Hồ sơ dự tuyển đối với thí sinh là người nước ngoài

4.2.1. Các giấy tờ bắt buộc

1. Đơn đăng ký dự tuyển thạc sĩ đã được thí sinh điền đầy đủ thông tin, có dán ảnh cỡ 4cm x 6cm và ký tên (theo mẫu của Trường);

Chú ý: Thí sinh đăng ký dự tuyển chương trình thạc sĩ Kỹ thuật hạ tầng được yêu cầu chọn 1 trong 5 lĩnh vực mà thí sinh muốn nghiên cứu sâu tại Mục 6 của Đơn đăng ký dự tuyển thạc sĩ.

2. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy xác nhận tốt nghiệp đại học có xác nhận hoặc chứng thực (nếu giấy tờ được viết bằng tiếng Anh) hoặc bản sao kèm bản dịch tiếng Anh có chứng thực (nếu giấy tờ được viết bằng ngôn ngữ không phải tiếng Anh) và bổ sung bản dịch tiếng Việt có chứng thực tại thời điểm nhập học;

3. Bản sao bảng điểm đại học có xác nhận hoặc chứng thực (nếu bảng điểm được viết bằng tiếng Anh) hoặc bản sao kèm bản dịch tiếng Anh có chứng thực (nếu bảng điểm được viết bằng ngôn ngữ không phải tiếng Anh) và bổ sung bản dịch tiếng Việt có chứng thực tại thời điểm nhập học;

4. Bản sao hợp lệ minh chứng về trình độ tiếng Việt hoặc trình độ ngoại ngữ tương ứng với ngôn ngữ sẽ được sử dụng để học tập tại Việt Nam. Thí sinh có thể nộp tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc thời điểm nhập học;

5. Giấy khám sức khỏe được cấp trong thời hạn 6 tháng được cấp bởi cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập. Thí sinh có thể nộp tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc thời điểm nhập học;

6. Giấy tờ chứng minh thí sinh có đủ điều kiện tài chính để sinh sống và học tập tại Việt Nam. Thí sinh có thể nộp tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc thời điểm nhập học;

7. Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng ít nhất 1 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam;

8. Biên lai nộp lệ phí tuyển sinh;

9. 3 ảnh màu cỡ 4cm x 6cm để trong 1 phong bì (ảnh chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ, ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh, chương trình thạc sĩ đăng ký dự tuyển ghi ở mặt sau của mỗi ảnh);

VST

10. 2 phong bì có dán tem (*ghi rõ họ tên, địa chỉ nhận thư của thí sinh*);
11. Danh mục hồ sơ tuyển sinh;
12. Bài luận về dự định nghiên cứu tại Trường Đại học Việt Nhật (*dành cho thí sinh của các chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Kỹ thuật môi trường*);
13. Giấy xác nhận hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức/tiếng Anh (*thí sinh sẽ được thông báo nếu thuộc nhóm đối tượng này khi nộp Hồ sơ dự tuyển*);
14. Giấy xác nhận kinh nghiệm công tác (*đối với các trường hợp thí sinh cần có kinh nghiệm công tác được nêu rõ trong mục 3.3*).

4.2.2. Các giấy tờ không bắt buộc

1. Sơ yếu lí lịch;
2. Thư giới thiệu (*theo mẫu của Trường*);
3. Bản sao có xác nhận hoặc chứng thực các tài liệu, chứng chỉ về chuyên môn, thành tích nghiên cứu (*nếu có*).

5. Địa điểm, thời gian, nội dung phỏng vấn

- Địa điểm, thời gian và nội dung phỏng vấn sẽ được thông báo cụ thể trên website của Trường Đại học Việt Nhật tại www.vju.vnu.edu.vn.

6. Thông báo kết quả tuyển sinh

- Kết quả tuyển sinh được gửi tới thí sinh qua đường bưu điện. Danh sách thí sinh trúng tuyển được thông báo trên website của Trường Đại học Việt Nhật.

7. Lịch tuyển sinh

TT	Nội dung	Thời gian
1	Nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển thạc sĩ	20/01/2016-18/03/2016
2	Thông báo danh sách thí sinh được vào phỏng vấn	21/03/2016
3	Phỏng vấn thí sinh	23/03/2016-31/03/2016
4	Tổ chức khóa học bổ trợ kiến thức và tiếng Anh	04/2016-08/2016
5	Nhập học chính thức	09/2016

VAT

8. Lệ phí tuyển sinh

8.1. Kinh phí

- Lệ phí tuyển sinh: 500.000 VND (Năm trăm nghìn Việt Nam đồng)
- Học phí của các học phần bổ sung kiến thức/ngoại ngữ: theo quy định của ĐHQGHN
- Phí nhập học: 1.800.000 VND (Một triệu tám trăm nghìn Việt Nam đồng)
- Học phí: 75.000.000 VND (Bảy mươi lăm triệu Việt Nam đồng) cho chương trình đào tạo thạc sĩ 2 năm.

8.2. Hình thức thanh toán

Tất cả thí sinh được yêu cầu nộp lệ phí tuyển sinh cùng với hồ sơ đăng ký dự tuyển. Các thí sinh trúng tuyển sẽ phải nộp phí nhập học và học phí đợt 1 khi nhập học chính thức.

Thí sinh nộp lệ phí tuyển sinh theo một trong các phương thức sau:

a) Chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản sau:

<ul style="list-style-type: none">• Tên ngân hàng:• Tên chi nhánh:• Số tài khoản:• Tên chủ tài khoản:• Loại tiền tệ chuyển khoản:• SWIFT Code:• Số tiền được chuyển:• Nội dung chuyển tiền:	<p>Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Tây Hà Nội 26010000719471 Ban Quản lý Trường Đại học Việt Nhật VND BIDVVNVX 500.000 VND Viết theo cú pháp sau: (<i>Họ và tên thí sinh</i>) đóng lệ phí tuyển sinh CTĐT (<i>Tên chương trình theo quy ước dưới đây</i>) Chính sách công: MPP Công nghệ Nano: MNT Kỹ thuật hạ tầng: MIE Kỹ thuật môi trường: MEE Khu vực học: MAS Quản trị kinh doanh: MBA Ví dụ: <i>Phạm Châu Giang</i> đóng lệ phí tuyển sinh CTĐT <i>MEE</i></p>
--	---

b) Nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại Văn phòng tuyển sinh trong giờ hành chính.

Ghi chú:

- Lệ phí tuyển sinh chưa bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và lưu trú cho thí sinh trong thời gian dự thi phỏng vấn.

- Lệ phí tuyển sinh đã nộp sẽ không được hoàn lại cho thí sinh trong tất cả các trường hợp.

- Thí sinh phải trả toàn bộ lệ phí phát sinh khi thực hiện giao dịch chuyển tiền qua ngân hàng.

- Bản sao biên lai chuyển tiền qua ngân hàng hoặc biên lai nộp lệ phí tuyển sinh tại Văn phòng tuyển sinh cần được nộp cùng với hồ sơ tuyển sinh. *dh*

Nơi nhận:

- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Các Sở GD&ĐT;
- Các Sở TN&MT;
- Các Sở KH&CN;
- Các trường đại học, cao đẳng;
- Các viện, trung tâm nghiên cứu;
- Lưu: VT, ĐT, T50.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HĐTS SDH 2016



Nguyễn Kim Sơn



Phụ lục 1 - Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần được dự thi theo từng chương trình đào tạo

STT	Tên chương trình	Mã số	Ngành đúng	Ngành phù hợp	Ngành gần
1	Chính sách công	60340402	Kinh tế	Kinh tế quốc tế và các chương trình đào tạo có số học phân/tin chỉ giống 90% so với số học phân/tin chỉ của chương trình đào tạo ngành kinh tế. Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức.	Quản lí nhà nước, Khoa học quản lí chính trị học, Quan hệ quốc tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính-ngân hàng, Luật và các chương trình đào tạo có số học phân/tin chỉ giống hơn 60% so với số học phân/tin chỉ của chương trình đào tạo ngành kinh tế.
2	Công nghệ Nano	Chuyên ngành đào tạo thí điểm		Vật lí học, Vật lí kĩ thuật, Khoa học vật liệu, Công nghệ vật liệu, Kĩ thuật vật liệu, Hóa học, Công nghệ kĩ thuật Hóa học, Sinh học, Công nghệ sinh học, Kĩ thuật sinh học.	Hóa dược, Kĩ thuật địa chất, Nông nghiệp, Công nghệ thực phẩm, Kĩ thuật y sinh, Sinh học ứng dụng, Khoa học môi trường, Công nghệ kĩ thuật môi trường, Kĩ thuật môi trường.
3	Khu vực học	Chuyên ngành đào tạo thí điểm			

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành Nhân văn (mã số 5222) và nhóm ngành Khoa học xã hội và hành vi (mã số 5231);
- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên có tính liên ngành cao sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định dựa trên hồ sơ dự tuyển;
- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo ở nước ngoài, không có trong danh mục ngành đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định dựa trên hồ sơ dự tuyển.

VAS

STT	Tên chương trình	Mã số	Ngành đúng	Ngành phù hợp	Ngành gần
4	Kỹ thuật hạ tầng	Chuyên ngành đào tạo thí điểm		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật công trình thủy, Kỹ thuật công trình biển, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Cơ kỹ thuật, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng, Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật tài nguyên nước.	Quản lý xây dựng, Kiến trúc, Kỹ thuật địa chất, Kinh tế xây dựng, Kiến trúc cảnh quan, Kỹ thuật môi trường, Quy hoạch vùng và đô thị, Kiến trúc cảnh quan.
5	Kỹ thuật môi trường	Chuyên ngành đào tạo thí điểm	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật môi trường, Khoa học môi trường, Kỹ thuật tài nguyên nước.	Kỹ thuật hóa học, Hóa dược, Hóa học, Sư phạm hóa học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Khoa học đất, Sinh học, Kỹ thuật địa chất, Nông nghiệp, Kỹ thuật khai thác thủy sản, Sư phạm hóa học, Công nghệ thực phẩm, các ngành thuộc nhóm ngành Sinh học ứng dụng (mã số 524202).

VAT

STT	Tên chương trình	Mã số	Ngành đúng	Ngành phù hợp	Ngành gần
6	Quản trị kinh doanh	60340102	Quản trị kinh doanh	Marketing	Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lí, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lí, Quản trị văn phòng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại.

✓



Phụ lục 2 - Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tiếng Anh và danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh được công nhận trong tuyển sinh sau đại học tại ĐHQGHN

Khung năng lực ngoại ngữ VN	CEFR	VNU-EPT	TOEFL PBT	TOEFL-iBT	TOEIC	Cambridge tests	IELTS
Cấp độ 3	B1	4,0-4,5	450	45	450	70-89 PET, 45-59 FCE	4,0-4,5
Cấp độ 4	B2	5,0-5,5	500	61	600	90-100 PET, 60-79 FCE	5,0-5,5

Chú ý:

Các bài thi phải được thí sinh hoàn thành trong thời gian 02 năm tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh B1, B2	Được công nhận trong tuyển sinh sau đại học tại ĐHQGHN
1	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN	✓
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	✓
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	✓
4	Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	✓
5	Trường Đại học Hà Nội	✓

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	Được công nhận trong tuyển sinh sau đại học tại ĐHQGHN				
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam PET	BEC Preliminary
1	Educational Testing Service (ETS)		✓	✓		
2	British Council (BC)	✓				
3	International Development Program (IDP)	✓				
4	Cambridge ESOL	✓			✓	✓

VST

Phụ lục 3 - Danh sách cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Nhật được công nhận trong tuyển sinh sau đại học tại ĐHQGHN

STT	Cơ sở đào tạo tiếng Nhật	Được công nhận trong tuyển sinh sau đại học tại ĐHQGHN
1	Quý giao lưu quốc tế Nhật Bản	✓

Phụ lục 4 - Thang điểm quy đổi

STT	Điểm số	Điểm chữ	Điểm số
1	Từ 9,0 đến 10	A ⁺	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	3,7
3	Từ 8,0 đến 8,4	B ⁺	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C ⁺	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D ⁺	1,5
8	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
9	Dưới 4,0	F	0

Phụ lục 5 - Xếp loại tốt nghiệp đại học

Hạng tốt nghiệp	Điểm trung bình chung tích lũy (GPA)
Xuất sắc	3,60 - 4,00
Giỏi	3,20 - 3,59
Khá	2,50 - 3,19
Trung bình	2,00 - 2,49

VAT



